

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HS - PT.

Ngày: 12 - 6 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 78/2020/TLPT-HS ngày 23/3/2020 đối với bị cáo Vũ Văn T, do có kháng cáo của bị cáo Vũ Văn Thuyên, và kháng cáo của chị Nguyễn Thị M là người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2020/HS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh năm 1971.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã M, huyện L, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Công giáo.

Con ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1935 (đã chết);

Con bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1937 (đã chết);

Gia đình có 08 chị em, bản thân là thứ 6;

Vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1974;

Bị cáo có 05 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/11/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994, do bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1966 là mẹ đẻ đại diện (Chị M và bà M1 đều có mặt).

Đều địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện L, tỉnh B.

*** Trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M:** Bà Giáp Thị Huế - Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ một ngày cuối tháng 10/2018 (T khai không nhớ ngày nào), Vũ Văn T, sinh năm 1971 ở Thôn S, xã M, huyện L, tỉnh B đang nằm ở ghế nhà một mình thì Nguyễn Thị M, sinh năm 1994 ở cùng thôn là người thiếu năng về trí tuệ, rất hạn chế về nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi, kể cả về năng lực bẩm sinh M cũng không tự mình làm chủ được, đi xe đạp một mình đến nhà T nói với T: “Anh T ơi, cho em tiền mua quần áo, em vừa đi lên chợ Năm hỏi bộ quần áo 88.000 đồng”. T nói “ làm gì có tiền nhưng để anh đi tìm, có anh cho”, rồi T đi vào trong giường ngủ của vợ chồng T kê sát tường hậu và tường hồi bên phải (tính theo hướng cửa chính ngôi nhà) để lấy tiền cho M. Khi T đi vào giường thì M cũng đi vào theo. T lấy trong túi quần dài của vợ T ra 70.000 đồng đưa cho M. Tại đây T đã nảy sinh ham muốn tình dục, muốn giao cấu với M nên T dụ dỗ M lên giường nằm, rồi dùng dương vật đã cương cứng của mình để giao cấu với M. T cho dương vật vào trong âm đạo của M giao cấu khoảng 2 phút sau thì xuất tinh vào trong âm đạo của M, sau đó T và M ra khỏi giường, rồi M tự đi xe đạp của M đi về.

Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1966 là mẹ đẻ của M, thường xuyên theo kỳ có kinh nguyệt thấy cách khoảng thời gian 3 đến 4 tháng (đến đầu tháng 3/2019) bà M1 không thấy M có kinh nguyệt, bà M1 nghi vấn có thể có người đã quan hệ tình dục với M nên bà gắng hỏi M thì được M nói cho biết là T dụ dỗ và đã thực hiện hành vi giao cấu với M. Ngày 06/3/2019 bà M1 đưa M đi khám, siêu âm thì được biết M đã mang thai được trên 18 tuần. Ngày 25/03/2019 bà M1 đã làm đơn trình báo đến cơ quan Công an để yêu cầu xác minh, điều tra, giải quyết. Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành xác minh, điều tra đã nhận định, thời gian Vũ Văn T thực hiện hành vi giao cấu với M làm cho bị hại có thai xảy ra vào khoảng cuối tháng 10/2018.

Ngày 18/4/2019 Cơ quan Công an huyện Lạng Giang đã ra Quyết định trưng cầu Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc giám định tình trạng tâm thần Nguyễn Thị M, tại thời điểm xảy ra sự việc vào khoảng cuối năm 2018. Khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của M như thế nào?.

Tại Kết luận giám định Pháp y tâm thần số 38/2019/PYTT ngày 15/5/2019 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía bắc kết luận:

“ Nguyễn Thị M, sinh năm 1994, trú tại Thôn S, xã M, huyện L, tỉnh B bị bệnh tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nặng (Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi- F72).

Khoảng cuối năm 2018 Nguyễn Thị M bị bệnh tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nặng, mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi.

Hiện tại Nguyễn Thị M bị bệnh tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nặng, mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi.”.

Ngày 07/8/2019, M đã sinh mổ được một bé gái, đặt tên là Nguyễn M Thương tại Trung tâm y tế huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Ngày 12/9/2019, Công an huyện Lạng Giang đã ra Quyết định trưng cầu giám định trưng cầu Viện khoa học hình sự, - Bộ công an yêu cầu Giám định ADN (Gen) cháu Nguyễn M Thương có phải là con đẻ của chị Nguyễn Thị M và Vũ Văn T không?.

Tại Kết luận giám định số: 5342/C09-TT3 ngày 16/10/2019 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “ Nguyễn M Thương là con đẻ của Nguyễn Thị M. Vũ Văn T là cha đẻ của Nguyễn M Thương với xác suất 99,9999%.”

Bản cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 22/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố Vũ Văn T về tội “Hiếp dâm” theo điểm g khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2020/HS-ST ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Hiếp dâm”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 141; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Vũ Văn T 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 05/11/2019.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều 584; 585; 592 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xử buộc bị cáo Vũ Văn T, có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị M 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/02/2020, chị Nguyễn Thị M là người bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo và đề nghị tăng bồi thường cho chị.

Ngày 04/3 /2020, bị cáo Vũ Văn T kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử giảm hình phạt tù cho bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Vũ Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù với lý do: Bị cáo không biết người bị hại bị bệnh thiếu năng trí tuệ, bị cáo phạm tội lần đầu , bố đẻ bị cáo được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị cáo tác động gia đình nộp 10.000.000đồng tiền bồi thường cho người bị hại sau khi xét xử sơ thẩm và 700.000đồng tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị M do bà Nguyễn Thị M1 đại diện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo và đề nghị tăng bồi thường cho chị M với lý do: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự mà lại hiếp dâm một người bị tâm thần. Đề nghị tăng mức bồi thường cho bị hại tương đương với 10 tháng lương cơ bản là 14.900.000đồng, và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của bị hại mỗi tháng là 800.000đồng cho đến khi cháu 18 tuổi.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo và người bị hại nêu ra đã kết luận và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị M do bà Nguyễn Thị M1 đại diện đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm. Chấp nhận kháng cáo đề nghị tăng mức bồi thường về danh dự nhân phẩm của người bị hại, sửa án sơ thẩm. Án phí: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Vũ Văn T không có ý kiến tranh luận gì.

Trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M: Bà Giáp Thị Huế phát biểu tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo vì bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự cho bị cáo. Đề nghị tăng khoản tiền bồi thường về danh dự, nhân phẩm cho người bị hại theo như đề nghị của người bị hại.

Chị Nguyễn Thị M do bà Nguyễn Thị M1 đại diện tranh luận: Đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo và xem xét xử lý đúng người, đúng tội.

Đôi đáp của đại diện VKS: Đối với trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại và đại diện cho người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh, viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm

đã phát biểu, giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm đã xét xử. Đối với ý kiến của đại diện cho bị hại đề nghị yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng nuôi con cho bị hại là 800.000đồng/1 tháng, đây là quan hệ pháp luật dân sự khác không liên quan đến vụ án hình sự này. Do vậy, nếu sau này chị M có đơn khởi kiện, sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Bị cáo Vũ Văn T nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T và của chị Nguyễn Thị M là người bị hại được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn T thì thấy: Khoảng 09 giờ một ngày cuối tháng 10/2018, tại giường ngủ của gia đình Vũ Văn T, sinh năm 1971 ở Thôn S, xã M, huyện L, tỉnh B, lợi dụng chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1994 ở cùng thôn, bị chậm phát triển tâm thần nặng, mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi, T đã có hành vi dụ dỗ giao cấu trái với ý muốn chị M, làm cho chị M có thai.

Như vậy hành vi của bị cáo Vũ Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm”, theo điểm g khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Vũ Văn T về tội Hiếp dâm” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T đề nghị giảm hình phạt tù , kháng cáo của chị Nguyễn Thị M là người bị hại đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo T, Hội đồng xét xử thấy:

Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Án sơ thẩm xác định bị cáo Vũ Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì thấy: Chị Nguyễn Thị M bị bệnh tâm thần chậm phát triển tâm thần nặng, mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi. Án sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Vũ Văn T là phạm tội đối với người bị hạn chế khả năng nhận thức theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là thiếu sót.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố để bị cáo tham gia kháng

chiến chống mỹ được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến nhân phẩm, danh dự của con người được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Việc truy tố, xét xử bị cáo Vũ Văn T về tội “ Hiếp dâm” theo điểm g khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy án sơ thẩm xử phạt bị cáo T với mức án 08 năm tù; là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, tại quá trình xét xử phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Chúc là vợ của bị cáo Vũ Văn T nộp 01 đơn xin tự nguyện nộp tiền bồi thường và án phí, 01 Biên lai thu tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang số tiền 10.700.000đồng. Xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới, đó là bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội đối với người bị hạn chế khả năng nhận thức theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên hình phạt như án sơ thẩm đã xét xử.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, người bị hại là chị Nguyễn Thị M không xuất trình được các tình tiết gì mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét đối với kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo của người bị hại như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của chị Nguyễn Thị M là người bị hại đề nghị bị cáo phải tăng tiền bồi thường. Chị M do bà Nguyễn Thị M1 đại diện yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho bị hại tương đương với 10 tháng lương cơ bản là 14.900.000đồng. Hội đồng xét xử thấy, chị M bị bệnh tâm thần: Chậm phát triển tâm thần nặng, mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi. Do vậy, án sơ thẩm xử buộc bị cáo T bồi thường danh dự, nhân phẩm cho chị M là 10.000.000đ là thấp, nên chấp nhận kháng cáo của bị hại tăng mức bồi thường về danh dự, nhân phẩm cho chị M tương đương 10 tháng lương cơ bản là 14.900.000đồng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của chị M, yêu cầu bị cáo T có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con (là Nguyễn M Thương). Toà sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật dân sự khác, không liên quan đến vụ án hình sự nên không xem xét giải quyết trong vụ án hình sự này, nếu sau này chị M có đơn khởi kiện, sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác, là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Vũ Văn T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Văn T và kháng cáo đề nghị tăng hình phạt của chị Nguyễn Thị M là người bị hại đối với bị cáo Vũ Văn T, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo T như bản án sơ thẩm xét xử.

Chấp nhận kháng cáo của bị hại chị Nguyễn Thị M, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Hiếp dâm”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 141; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm k khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Vũ Văn T 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 05/11/2019.

[2]. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 592 Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử buộc bị cáo Vũ Văn T, có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị M 14.900.000đồng (Mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, mà người phải thi hành án không thi hành, hoặc thi hành chưa xong thì phải chịu lãi xuất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự phúc thẩm và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Vũ Văn T đã nộp 10.700.000đồng (Cụ thể 10.000.000đồng tiền tự nguyện bồi thường cho người bị hại và 700.000đồng tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm) tại biên lai thu số: AA /2015/0002395 ngày 10/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương